

Bản án số: 69 /2019/HN-ST

Ngày: 6-9-2019

V/v: “*Hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – BẾN TRE

Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Mộng Tuyền.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Phước

2. Ông Nguyễn Công Trung

- **Thư ký phiên Tòa:** Bà Trần Thị Huyền Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 6/9/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 343/2019/TLST-HNGĐ ngày 4/7/2019 về việc: “*Hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2019/QĐXXST-HN ngày 16/8/2019 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1975; địa chỉ ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2/ *Bị đơn:* ông Phạm Văn H, sinh năm 1968; địa chỉ khu phố 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Các đương sự có mặt tại Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Bà và ông Phạm Văn H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì cuộc sống không còn hạnh phúc, thường xảy ra cự cãi bất hòa, do con còn nhỏ nên bà vẫn sống với ông H để lo cho con. Đến năm 2011 - 2012 thì mâu thuẫn càng trầm trọng không thể níu kéo được nên bà cùng con về quê bà sinh sống và đã sống riêng từ đó cho đến nay đã 7 năm. Trong khoảng thời gian bất hoà, gia đình có khuyên nhủ, hoà giải nhưng hai bên vẫn không thể hàn gắn.

Hiện bà không còn tình cảm đối với ông H, không muốn tiếp tục sống chung nên yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông H là vợ chồng. Con chung Phạm Khải Ng, sinh ngày 12/01/2002 hiện sống chung với bà, bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, tự nguyện không yêu cầu ông H cấp dưỡng. Tài sản chung không có. Nợ chung không có.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Văn H trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Th tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian sống chung, hai bên cũng có

phát sinh mâu thuẫn đôi khi xảy ra cự cãi nhưng vẫn sống với nhau bình thường. Thời điểm vợ dẫn con về quê sống là giữa vợ và cháu trong nhà ông xảy ra mâu thuẫn bất hòa gây cãi nhau lớn tiếng ông đã khuyên bảo 02 bên nhưng không được, từ đó vợ giận mà dẫn con về quê sống nên vợ chồng đã sống ly thân đến nay đã 6 – 7 năm.

Nay bà Th yêu cầu không công nhận vợ chồng, ông cũng đồng ý. Con chung Phạm Khải Ng, sinh ngày 12/01/2002, hiện vẫn qua lại giữa hai bên, ông đồng ý giao con cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, phía bà Th không yêu cầu cấp dưỡng ông đồng ý. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Nợ chung không có.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Thẩm phán đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, cấp tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi thông báo thụ lý, hồ sơ đến Viện kiểm sát đúng quy định, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục giải quyết của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ theo Điều 97 BLTTDS nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 BLTTDS. Thẩm phán chấp hành đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định, đảm bảo cho các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án nên đủ điều kiện đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

- Về nội dung: bà Th và ông H chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Đến năm 2012, do bất đồng quan điểm nên hai bên phát sinh mâu thuẫn và sống riêng từ đó cho đến nay. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà Th vẫn giữ nguyên yêu cầu không công nhận vợ chồng, ông H cũng đồng ý. Do đó áp dụng điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Th. Con chung Phạm Khải Ng, sinh ngày 12/01/2002 hiện sống chung với bà Th. Hiện bà Th giữ nguyên yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, tự nguyện không yêu cầu ông H cấp dưỡng; ông H cũng đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Tài sản chung không tranh chấp. Nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th và ông Phạm Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, mặc dù đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng ông bà không có đăng ký kết hôn. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không được công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: Phạm Khải Ng, sinh ngày 12/01/2002 hiện sống chung với bà Th, bà Th yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng, ông H đồng ý. Do đó, xét yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của bà Th là phù hợp với nguyện vọng của con nên hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận bà Th không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Hiện hai bên không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Th phải nộp số tiền 300.000 đồng theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 14, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị Th và ông Phạm Văn H là vợ chồng.

2. Con chung: Bà Nguyễn Thị Th có quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Khải Ng, sinh ngày 12/01/2002. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Th không yêu cầu ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Văn H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con chung hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Tài sản chung: hiện không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Nợ chung: không có.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Th phải nộp số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004903 ngày 26/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Do đó, án phí sơ thẩm, bà Th đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã B;
- UBND thị trấn B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Mộng Tuyền